

Số: **266/2025/KDTM - PT**

Ngày: 27 tháng 09 năm 2025

V/v: *Tranh chấp Hợp đồng tín dụng.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Nguyễn Bích Hạnh

- ***Các Thẩm phán:*** - Ông Nguyễn Thái Sơn

- Bà Nguyễn Lan Anh

- ***Thư ký ghi biên bản phiên tòa :*** Ông Nguyễn Khánh Nam - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội:*** Ông Trần Chí Thành - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2025, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 40/2025/TLPT-KDTM ngày 10 tháng 02 năm 2025 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”. Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 60/2024/KDTM-ST ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội bị người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty cổ phần C kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 742/2025/QĐPT-KDTM ngày 15 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 844/2025/QĐ – PT ngày 05 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ (Tên viết tắt: “P”);***

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: ***** , đăng ký lần đầu ngày 13/10/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 1 cho Ngân hàng TMCP Đ ngày 13/10/2014.

Địa chỉ trụ sở chính: Số B N, phường T, quận H, thành phố Hà Nội (Nay là: Số B N, phường C, thành phố Hà Nội).

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng A – Chức vụ: Phó Giám đốc QLKHDN KVMB – Phòng quản lý khách hàng doanh nghiệp Miền B – Khối quản lý và tái cấu trúc tài sản – P. CMTND số ***** do Cục Q2 về trật tự xã hội cấp ngày 11/01/2023; Ông Lưu Hoài N – Chức vụ: Chuyên gia tố tụng; CCCD số ***** do Cục Q2 về trật tự xã hội cấp ngày 08/12/2021; Ông Phạm Trường G – Chức vụ: Chuyên viên quản lý khách hàng; CCCD số ***** do Cục Q2 về trật tự xã hội cấp ngày 17/8/2021. Theo Giấy ủy quyền số 18144/UQ – PVB ngày 09/9/2025.

(Ông Lưu Hoài N có mặt)

- ***Bị đơn: Công ty cổ phần C (Tên viết tắt là: “H”);***

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: ***** do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố H cấp lần đầu ngày 17/3/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 30/7/2021.

Địa chỉ trụ sở chính: Số F, ngõ H đường L, phường P, quận N, thành phố Hà Nội (Nay là: Số F ngõ H đường L, phường T, thành phố Hà Nội).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quang T; Chức vụ: Giám đốc; Căn cước công dân số: ***** do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 06/12/2012; Địa chỉ thường trú: P401, nhà T, Khu tập thể T, phường T, quận N, thành phố Hà Nội (Nay là: P401, nhà T, Khu tập thể T, phường T, thành phố Hà Nội).

(Ông Nguyễn Quang T vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty cổ phần C (Tên viết tắt là: P1);

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: ***** do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh B cấp lần đầu ngày 26/11/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 28/6/2022.

Địa chỉ trụ sở chính: Số B N, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Khắc M; Chức vụ: Giám đốc.

(Ông Phan Khắc M vắng mặt)

2. Công ty cổ phần C (Tên viết tắt là: P2); Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: ***** do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh B cấp lần đầu ngày 09/7/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 14/8/2024.

Địa chỉ trụ sở chính: Số F đường C, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Nay là: Số F đường C, Phường R, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Duy L1; Chức vụ: Giám đốc.

(Ông Trương Duy L1 vắng mặt và có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện ngày 04/5/2023, quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ do đại diện theo ủy quyền trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện như sau:**

Ngày 16/11/2016, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (Tên viết tắt là: P) Chi nhánh H với Công ty cổ phần C (Tên viết tắt là: H) đã ký kết Hợp đồng hạn mức tín dụng số: 305/HĐHMTD/PVB-HAN và được sửa đổi, bổ sung bởi các Phụ lục số: PL01-305/HĐHMTD/PVB-HAN ngày.../12/2016 và Phụ lục số: PL02-305/HĐHMTD/PVB-HAN ngày 05/4/2017, với các nội dung như sau: P đồng ý cấp hạn mức tín dụng cho H số tiền là: 31.298.000.000 đồng (Ba mươi một tỷ, hai trăm chín mươi tám triệu đồng) hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương, trong đó:

- Hạn mức cho vay, phát hành bảo lãnh thanh toán và phát hành Thư tín dụng là: 9.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ đồng) hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương;

- Hạn mức bảo lãnh là: 22.298.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi hai tỷ, hai trăm chín mươi tám triệu đồng);

- Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;

- Cho vay theo hạn mức tín dụng: Khoản vay: Đối với mỗi lần rút vốn, Bên được cấp tín dụng phải lập Khế ước nhận nợ được Ngân hàng chấp thuận, mỗi Khế ước nhận

nợ tương ứng với một Khoản vay. Tổng số dư các Khoản vay tại mọi thời điểm phải nằm trong Hạn mức tín dụng;

- Thời hạn khoản vay: Tối đa 05 (năm) tháng kể từ ngày giải ngân Khoản vay và được ghi cụ thể trên từng Khế ước nhận nợ, theo đó trong thời hạn này Bên được cấp tín dụng phải thanh toán đầy đủ nợ gốc, lãi và các khoản thanh toán khác có liên quan đến Khoản vay cho Ngân hàng theo mỗi Khế ước nhận nợ.

- Mục đích cho vay: Phục vụ hoạt động kinh doanh

- Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay đối với mỗi Khoản vay theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân được ghi cụ thể trong mỗi Khế ước nhận nợ; Lãi suất quá hạn: Bằng 150% Lãi suất trong hạn áp dụng tại ngày đến hạn đối với số dư nợ gốc đến hạn nhưng chưa trả được; Bằng 100% Lãi suất trong hạn áp dụng tại ngày đến hạn đối với số dư nợ gốc chưa đến hạn nhưng phải chuyển thành nợ quá hạn.

Thực hiện Hợp đồng hạn mức tín dụng và Phụ lục sửa đổi Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01 và 02 nêu trên, P đã 12 lần giải ngân cho H, tổng cộng số tiền là: 3.421.313.894 đồng (*Bằng chữ: Ba tỷ, bốn trăm hai mươi một triệu, ba trăm mười ba nghìn, tám trăm chín mươi bốn đồng*), cụ thể 12 lần giải ngân số tiền như sau:

Số T T	Số Khế ước	Ngày giải ngân	Ngày đến hạn	Số tiền vay đã giải ngân (VNĐ)	Dư nợ gốc chưa trả (VNĐ)
1	01	05/12/2016	05/03/2017	83.000.000	0
2	02	05/12/2016	05/05/2017	172.000.000	0
3	03	19/12/2016	19/03/2017	137.000.000	0
4	04	29/12/2016	29/03/2017	100.000.000	0
5	05	04/01/2017	04/04/2017	190.000.000	0
6	06	17/01/2017	17/04/2017	87.000.000	0
7	07	20/02/2017	20/07/2017	462.537.600	0
8	08	24/02/2017	24/07/2017	397.394.582	0
9	09	09/03/2017	09/08/2017	46.000.000	0
10	10	21/04/2017	21/09/2017	799.822.816	0
11	11	26/05/2017	26/10/2017	591.085.440	3.213.084
12	12	26/06/2017	26/11/2017	355.473.456	325.473.456
			Tổng cộng:	3.421.313.894	328.686.540

Tài sản bảo đảm cho khoản vay: Để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của H tại P, H đã thế chấp quyền đòi nợ hình thành trong tương lai đối với 02 Hợp đồng mua bán hàng hóa sau:

1. Thế chấp quyền đòi nợ hình thành trong tương lai đối với Hợp đồng mua bán hàng hóa số: 368/PVCMS-PTST/2016-12 ngày 28/12/2016, về việc: Cung cấp máy bơm nước ngọt - Công trình P11, P12, P13 thuộc Dự án P11, P12, P13, P14, ký giữa Bên mua: Công ty cổ phần C và lắp máy Dầu khí với Bên bán: Công ty cổ phần C; Giá trị Hợp đồng (đã bao gồm thuế VAT) là: 860.243.690 đồng (*Bằng chữ: Tám trăm sáu mươi triệu, hai trăm bốn mươi ba nghìn, sáu trăm chín mươi đồng*), theo Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hình thành trong tương lai số: 432/2016/HĐBĐ-PVB.HAN ngày 30/12/2016 ký giữa Bên thế chấp: H với Bên nhận thế chấp: P, chi nhánh H;

2. Thế chấp Quyền đòi nợ hình thành trong tương lai đối với Hợp đồng số: PO.0116031-DV030 ngày 22/12/2016, về việc: Cung cấp máy bơm nước ngọt - Công trình P14 thuộc Dự án P11, P12, P13, P14, ký giữa Bên mua: Công ty cổ phần C với Bên bán: Công ty cổ phần C; Giá trị Hợp đồng (đã bao gồm thuế VAT) là: 286.747.897 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm tám mươi sáu triệu, bảy trăm bốn mươi bảy nghìn, tám trăm chín mươi bảy đồng*), theo Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hình thành trong tương lai số: 438/2017/HĐBĐ-PVB.HAN ngày 04/01/2017 ký giữa Bên thế chấp: H với Bên nhận thế chấp: P, chi nhánh H;

Các tài sản thế chấp nêu trên được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng hạn mức tín dụng, H đã vi phạm nội dung thỏa thuận về nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi vay, không thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ của Bên vay, khoản vay quá hạn từ ngày 26/10/2017. P đã nhiều lần gửi công văn, thông báo nghĩa vụ trả nợ và việc vi phạm nghĩa vụ cũng như làm việc trực tiếp với H và những Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về việc yêu cầu H thực hiện theo như thỏa thuận trong Hợp đồng hạn mức tín dụng và các Khế ước nhận nợ đã ký. Tuy nhiên, H cũng như những Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện. Kể từ ngày khoản vay bị chuyển nợ quá hạn cho đến ngày 31/10/2019, H mới trả được cho P số tiền là: 625.054.041 đồng (*Trong đó: Nợ gốc là: 617.872.356 đồng; Lãi quá hạn là: 7.144.178 đồng; Lãi chậm trả là: 37.507 đồng*). Từ ngày 31/10/2019 đến nay, H không trả cho P bất kỳ khoản tiền nào và cũng không hợp tác làm việc để hoàn trả số tiền nợ còn lại.

Tính đến ngày Tòa án xét xử 07/8/2024, H còn nợ P tổng số tiền nợ gốc là: 328.686.540 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm hai mươi tám triệu, sáu trăm tám mươi sáu nghìn, năm trăm bốn mươi đồng*); Nợ lãi trong hạn là: 38.467.102 đồng (*Bằng chữ: Ba mươi tám triệu, bốn trăm sáu mươi bảy nghìn, một trăm linh hai đồng*); Nợ lãi quá hạn là: 468.236.072 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm sáu mươi tám triệu, hai trăm ba mươi sáu nghìn, không trăm bảy mươi hai đồng*); Nợ lãi chậm trả là: 12.924.579 đồng (*Bằng chữ: Mười hai triệu, chín trăm hai mươi bốn nghìn, năm trăm bảy mươi chín đồng*).

Tại phiên tòa sơ thẩm, P xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi chậm trả là: 12.924.579 đồng (*Bằng chữ: Mười hai triệu, chín trăm hai mươi bốn nghìn, năm trăm bảy mươi chín đồng*). Tổng cộng số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn H còn nợ P tính đến ngày Tòa án xét xử 07/8/2024 là: **835.389.714 đồng** (*Bằng chữ: Tám trăm ba mươi lăm triệu, ba trăm tám mươi chín nghìn, bảy trăm mười bốn đồng*).

Để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của P, P đề nghị Hội đồng xét xử nội dung như sau:

1. Buộc H phải trả cho P tổng cộng số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn tính đến ngày Tòa án xét xử 07/8/2024 là: **835.389.714 đồng** (*Bằng chữ: Tám trăm ba mươi lăm triệu, ba trăm tám mươi chín nghìn, bảy trăm mười bốn đồng*), trong đó gồm có: Nợ gốc là: 328.686.540 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm hai mươi tám triệu, sáu trăm tám mươi sáu nghìn, năm trăm bốn mươi đồng*); Nợ lãi trong hạn là: 38.467.102 đồng (*Bằng chữ: Ba mươi tám triệu, bốn trăm sáu mươi bảy nghìn, một trăm linh hai đồng*);

đồng); Nợ lãi quá hạn là: 468.236.072 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm sáu mươi tám triệu, hai trăm ba mươi sáu nghìn, không trăm bảy mươi hai đồng*) (Theo Hợp đồng Hạn mức tín dụng 305/HĐHMTD/PVB-HAN và Phụ lục sửa đổi Hợp đồng Hạn mức tín dụng số: PL01-305/HĐHMTD/PVB-HAN ngày.../12/2016 và Phụ lục số: PL02-305/HĐHMTD/PVB-HAN ngày 05/4/2017, ký giữa: P, chi nhánh H với Công ty cổ phần C);

2. Buộc H phải tiếp tục trả cho P các khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định trong Hợp đồng Hạn mức tín dụng và Phụ lục Hợp đồng Hạn mức tín dụng nêu trên tính từ ngày 08/8/2024 cho đến khi H tất toán khoản vay tại P.

3. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả khoản nợ nêu trên cho P, thì P có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho P. Tài sản thế chấp gồm có:

3.1. Quyền đòi nợ hình thành trong tương lai đối với Hợp đồng mua bán hàng hóa số: 368/PVCMS-PTST/2016-12 ngày 28/12/2016, về việc: Cung cấp máy bơm nước ngọt - Công trình P11, P12, P13 thuộc Dự án P11, P12, P13, P14, ký giữa Bên mua: Công ty cổ phần C và lắp máy Dầu khí với Bên bán: Công ty cổ phần C; Giá trị Hợp đồng (đã bao gồm thuế VAT) là: 860.243.690 đồng (*Bằng chữ: Tám trăm sáu mươi triệu, hai trăm bốn mươi ba nghìn, sáu trăm chín mươi đồng*), theo Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hình thành trong tương lai số: 432/2016/HĐBĐ-PVB.HAN ngày 30/12/2016 ký giữa Bên thế chấp: H với Bên nhận thế chấp: P, chi nhánh H;

3.2. Quyền đòi nợ hình thành trong tương lai đối với Hợp đồng số: PO.0116031-DV030 ngày 22/12/2016, về việc: Cung cấp máy bơm nước ngọt - Công trình P14 thuộc Dự án P11, P12, P13, P14, ký giữa Bên mua: Công ty cổ phần C với Bên bán: Công ty cổ phần C lắp máy Dầu khí Hà Nội; Giá trị Hợp đồng (đã bao gồm thuế VAT) là: 286.747.897 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm tám mươi sáu triệu, bảy trăm bốn mươi bảy nghìn, tám trăm chín mươi bảy đồng*), theo Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hình thành trong tương lai số: 438/2017/HĐBĐ-PVB.HAN ngày 04/01/2017 ký giữa Bên thế chấp: H với Bên nhận thế chấp: P, chi nhánh H;

4. Trường hợp sau khi xử lý các tài sản thế chấp không đủ thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên cho P thì H phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho P.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, Tòa án đã gửi Giấy triệu tập và các Thông báo của Tòa án cho H1.,J là Bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty cổ phần C và Công ty cổ phần C, nhưng Bị đơn và Người đại diện của họ đều vắng mặt không có lý do, Bị đơn không có lời khai gửi Tòa án;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty cổ phần C và Công ty cổ phần C có đơn đề nghị không tham gia tố tụng với tư cách là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, nội dung như sau:

Theo đơn đề nghị số: 217/ĐĐN-KCKL ngày 10/4/2024 của Công ty cổ phần C (Tên viết tắt là: P1) như sau: Qua tài liệu do Quý T1 gửi trong Giấy triệu tập đương sự ngày 07/3/2024 và đại diện P1 được tiếp cận trong phiên họp hòa giải ngày 08/04/2024, chúng tôi được biết: P1 là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 15/2024/TLST-DS ngày 07/3/2024, về việc Tranh

chấp phát sinh từ Hợp đồng tín dụng giữa Nguyên đơn P đối với Bị đơn Công ty cổ phần C, trong đó P nhận thế chấp Quyền đòi nợ từ Hợp đồng mua bán hàng hóa số: 368/PVCMS-PTST/2016-12 ngày 28/12/2016 giữa P1 và Công ty cổ phần C. Tuy nhiên, Hợp đồng trên đã được chúng tôi thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ và đến nay Hợp đồng trên đã hết hiệu lực theo đúng quy định trong Hợp đồng, cụ thể như sau: Ngày 19/4/2017, P1 đã nhận đầy đủ Hàng hóa trong Hợp đồng theo Biên bản giao nhận hàng hóa (theo đính kèm); Ngày 27/7/2017 (47); 19/9/2017 (66) và 16/11/2017 (18A), P1 đã thanh toán 100% giá trị được thanh toán cho Công ty cổ phần C, số tiền là: 798.306.144 đồng vào tài khoản số 107068567979 tại Ngân hàng P (theo đính kèm); Theo quy định tại Điều 7.1 và 13.7 tại Hợp đồng số: 368/PVCMS-PTST/2016-12 ngày 28/12/2016, Hiệu lực hợp đồng kết thúc từ ngày 27/4/2018. Như vậy, vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 15/2024/TLST-DS ngày 07/3/2024 không liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của P1. Vì vậy, bằng văn bản này, chúng tôi kính đề nghị Q tòa không đưa P1 vào tham gia tố tụng với tư cách Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Theo đơn đề nghị số: 235/24CTGK-TM&PTKD ngày 26/3/2024 của Công ty cổ phần C (Tên viết tắt là: P2) như sau: Ngày 25/3/2023 P2 nhận được giấy triệu tập đề ngày 07/3/2024 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm. Qua tài liệu do Quý T1 gửi, chúng tôi được biết: P2 bị xác định là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 15/2024/TLST-DS ngày 07/3/2024 do Ngân hàng TMCP Đ (P) nhận thế chấp Quyền đòi nợ từ Hợp đồng số: PO.0116031-DV030 ký ngày 22/12/2016 giữa P2 và Công ty cổ phần C. Tuy nhiên, Hợp đồng trên đã được chúng tôi thực hiện theo đúng quy định, chúng tôi không còn bất cứ quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan đến Hợp đồng trên, cụ thể: Ngày 15/6/2017 Công ty cổ phần C có văn bản đề nghị thanh toán số: 35/2027/KT-PTST; Ngày 30/8/2018, chúng tôi thanh toán 100% giá Hợp đồng cho Công ty cổ phần C số tiền là: 286.747.897 đồng vào tài khoản số: 107.068.567979 tại P. Theo quy định tại Điều 13.6 và 13.7 Hợp đồng đã được thanh lý từ 27/4/2018. Như vậy, việc giải quyết vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 15/2024/TLST-DS ngày 07/3/2024 không liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của PV S. Trên cơ sở đó, chúng tôi kính đề nghị Quý Tòa không đưa P2 vào tham gia tố tụng với tư cách là Người của quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Tại Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 60/2024/KDTM-ST ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ (Tên viết tắt là: P) đối với Công ty cổ phần C (Tên viết tắt là: H), về việc: Tranh chấp Hợp đồng Hạn mức tín dụng số: 305/HĐHMTD/PVB-HAN ngày 16/11/2016, ký giữa: P chi nhánh H với H, cụ thể như sau:

1.1. Buộc H phải trả cho P tổng cộng số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn tính đến ngày Tòa án xét xử 07/8/2024 là: **835.389.714 đồng** (Bằng chữ: Tám trăm ba mươi lăm triệu, ba trăm tám mươi chín nghìn, bảy trăm mười bốn đồng), theo Hợp đồng Hạn mức tín dụng 305/HĐHMTD/PVB-HAN ngày 16/11/2016 và Phụ lục sửa đổi Hợp đồng Hạn mức tín dụng số: PL01-305/HĐHMTD/PVB-HAN ngày.../12/2016

và Phụ lục số: PL02-305/HĐHMTD/PVB-HAN ngày 05/4/2017, ký giữa: P, chi nhánh H với H;

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Phụ lục sửa đổi Hợp đồng Hạn mức tín dụng và khế ước nhận nợ nêu trên;

1.3. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả khoản nợ nêu trên cho P, thì P có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho P, gồm có:

Tài sản 1: Quyền đòi nợ hình thành trong tương lai đối với Hợp đồng mua bán hàng hóa số: 368/PVCMS-PTST/2016-12 ngày 28/12/2016, về việc: Cung cấp máy bơm nước ngọt - Công trình P11, P12, P13 thuộc Dự án P11, P12, P13, P14, ký giữa Bên mua: Công ty cổ phần C và lắp máy Dầu khí với Bên bán: Công ty cổ phần C; Giá trị Hợp đồng (đã bao gồm thuế VAT) là: 860.243.690 đồng (*T2 trăm sáu mươi triệu, hai trăm bốn mươi ba nghìn, sáu trăm chín mươi đồng*), theo Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hình thành trong tương lai số: 432/2016/HĐBĐ-PVB.HAN ngày 30/12/2016 ký giữa Bên thế chấp: H với Bên nhận thế chấp: P, chi nhánh H;

Tài sản 2: Quyền đòi nợ hình thành trong tương lai đối với Hợp đồng số: PO.0116031-DV030 ngày 22/12/2016, về việc: Cung cấp máy bơm nước ngọt - Công trình P14 thuộc Dự án P11, P12, P13, P14, ký giữa Bên mua: Công ty cổ phần C với Bên bán: Công ty cổ phần C; Giá trị Hợp đồng (đã bao gồm thuế VAT) là: 286.747.897 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm tám mươi sáu triệu, bảy trăm bốn mươi bảy nghìn, tám trăm chín mươi bảy đồng*), theo Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hình thành trong tương lai số: 438/2017/HĐBĐ-PVB.HAN ngày 04/01/2017 ký giữa Bên thế chấp: H với Bên nhận thế chấp: P, chi nhánh H;

Trường hợp sau khi xử lý các tài sản thế chấp không đủ thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên cho P thì H phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho P.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của P là Nguyên đơn đối với Bị đơn: H về việc: Không yêu cầu H thanh toán đối với số tiền nợ lãi chậm trả: 12.924.579 đồng (*Bằng chữ: Mười hai triệu, chín trăm hai mươi bốn nghìn, năm trăm bảy mươi chín đồng*);

Ngoài ra bản án còn tuyên về việc thi hành án, án phí và quyền kháng cáo.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là: Công ty cổ phần C (PV S) kháng cáo một phần Bản án KDTM sơ thẩm vào ngày 16/10/2024, Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm nhận được đơn kháng cáo của Công ty cổ phần C đề nghị sửa một phần Bản án sơ thẩm, bác quyền của P yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản là “*Quyền đòi nợ hình thành trong tương lai đối với Hợp đồng số: PO.0116031-DV030*”; Trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự trong quá trình giải tỏa khoản tiền PV S đã thanh toán, đề nghị Tòa án chuyển cơ quan điều tra có thẩm quyền xác minh, xử lý.

Ngày 29/8/2025, Công ty cổ phần C (PV S) có Đơn xin xét xử vắng mặt tại tất cả các phiên họp, phiên xét xử; Giữ nguyên quan điểm kháng cáo một phần Bản án KDTM sơ thẩm, đề nghị sửa một phần Bản án sơ thẩm, bác quyền của P yêu cầu cơ

quan thi hành án xử lý tài sản là “*Quyền đòi nợ hình thành trong tương lai đối với Hợp đồng số: PO.0116031-DV030*”. Trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự trong quá trình giải tỏa khoản tiền PV S đã thanh toán, đề nghị Tòa án chuyển cơ quan điều tra có thẩm quyền xác minh, xử lý.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ (Tên viết tắt: P) do ông Lưu Hoài N là đại diện theo ủy quyền trình bày: Nguyên đơn không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ mới, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và lời khai tại cấp phúc thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử y án sơ thẩm.

Chủ tọa công bố nội dung Đơn kháng cáo và đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa ngày 29/8/2025 của Công ty cổ phần C (PV S).

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Hà Nội tại phiên tòa phát biểu:**

Về việc chấp hành pháp luật: Quá trình tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng, những người tiến hành tố đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 BLTTDS.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS năm 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án: Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của Công ty cổ phần C (P2); Giữ nguyên Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 60/2024/KDTM-ST ngày 07/8/2024 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Công ty cổ phần C (S) phải chịu án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật và thời hiệu khởi kiện:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ (Tên viết tắt: P) khởi kiện bị đơn Công ty cổ phần C (Tên viết tắt là: H), về việc: Tranh chấp Hợp đồng Hạn mức tín dụng số: 305/HĐHMTD/PVB-HAN ngày 16/11/2016, ký giữa: P chi nhánh H với H. Do đó, tranh chấp được xác định trong vụ án là: “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”. Đến nay bị đơn vẫn còn nợ nguyên đơn nợ gốc, nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn nên chưa hoàn thành nghĩa vụ của hợp đồng, lãi suất quá hạn vẫn tiếp tục được tính đến khi bên vay trả xong nợ gốc. Đến nay Hợp đồng vẫn được thực hiện nên việc nguyên đơn khởi kiện đối với số nợ chưa được bị đơn thanh toán là nằm trong thời hiệu khởi kiện.

1.2 Về thẩm quyền:

Xét thấy, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0105198043 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố H cấp lần đầu ngày 17/3/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 30/7/2021; Địa chỉ trụ sở chính của bị đơn Công ty cổ phần C: Số F, ngõ H đường L, phường P, quận N, thành phố Hà Nội (Nay

là: Số F ngõ H đường L, phường T, thành phố Hà Nội) nên Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm thụ lý giải quyết là đúng quy định tại Khoản 1 Điều 30 và điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1.3 Về thủ tục kháng cáo:

Ngày 07/8/2024, Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm xét xử và tuyên án tại Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 60/2024/KDTM-ST ngày 07/8/2024 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Không đồng ý với Bản án sơ thẩm, ngày 16/10/2024, Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm nhận được đơn kháng cáo của Công ty CP C.

Xét thấy Đơn kháng cáo của Công ty CP C có nội dung phù hợp với Điều 272 Bộ luật tố tụng dân sự, được gửi đến Tòa án cấp sơ thẩm trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Căn cứ các Điều 273 và 276 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, xác định kháng cáo của Công ty CP C là hợp lệ nên đơn kháng cáo được chấp nhận xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Công ty cổ phần C và Lắp máy Dầu khí kháng cáo quá hạn không được chấp nhận: Theo Quyết định không chấp nhận việc kháng cáo quá hạn số 185/2025/QĐ- PT ngày 06/8/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội nên đơn kháng cáo của Công ty cổ phần C và lắp máy Dầu khí đối với Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 60/2024/KDTM-ST ngày 07/8/2024 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội không được chấp nhận xét xử theo trình tự phúc thẩm.

1.4 Về thủ tục tổng đạt:

Bị đơn Công ty cổ phần C (Tên viết tắt là: H) do người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Quang T - Chức vụ: Giám đốc vắng mặt lần thứ hai không có lý do và không có lời khai gửi Tòa án cấp phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần C (Tên viết tắt là: P1) do ông Phan Khắc M - Giám đốc (Ông M vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa và không có lời khai tại Tòa án. Công ty cổ phần C (Tên viết tắt là: P2) do Người đại diện theo pháp luật là ông Trương Duy L1 - Giám đốc vắng mặt và có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện theo pháp luật của các công ty là đương sự nêu trên là đúng với quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.5. Về phạm vi giải quyết phúc thẩm:

Theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty cổ phần C (Tên viết tắt là: P2) kháng cáo một phần bản án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại một phần bản án sơ thẩm có kháng cáo.

[II]. Về yêu cầu kháng cáo:

2.1. Đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại một phần bản án sơ thẩm:

2.2 Người liên quan là Công ty CP C (Sau đây được viết tắt là: P2) kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm. Lý do của việc kháng cáo: yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm: sửa một phần Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 60/2024/KDTM-ST ngày 07/8/2024 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, bác quyền của

P yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản là: *Quyền đòi nợ hình thành trong tương lai đối với Hợp đồng số PO.0116031-DV030*. Trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự trong quá trình giải tỏa khoản tiền PV S đã thanh toán, đề nghị Tòa án chuyển Cơ quan điều tra có thẩm quyền xác minh, xử lý.

Công ty CP C (S) trình bày: PV S đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán Hợp đồng số PO.0116031-DV030, chuyển khoản vào số tài khoản của Công ty CP C mở tại P theo chỉ định của P tại Văn bản số TB-PVB.HAN ngày 04/01/2021 v/v thông báo nghĩa vụ thanh toán, cụ thể:

Tên tài khoản: Công ty Cổ phần C.

Số tài khoản: 1070.6856.7979.

Tại Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh H.

Giá trị thanh toán: 286.747.897 đồng.

P2 khẳng định số tài khoản 1070.6856.7979 chính là số tài khoản 0000.6856.7979. Việc thay đổi 04 số đầu, giữ nguyên 08 số cuối của số tài khoản kể từ ngày 20/02/2017 vì lý do nâng cấp.

Việc P nâng cấp, thay đổi số tài khoản được thể hiện:

Tại Thông báo ngày 13/12/2017 trên website P: *P thông báo thay đổi số tài khoản của khách hàng/Tin P/Tin tức/ Ngân hàng TMCP Đ-P ghi:*

“P xin trân trọng thông báo về việc sẽ tiến hành thay đổi Số hiệu tài khoản đã cấp cho Quý khách kể từ ngày 20/02/2017, vì lý do nâng cấp hệ thống. Tuy nhiên, trong vòng 06 tháng, quý khách vẫn có thể sử dụng song song cả số tài khoản hiện tại và số tài khoản mới trong các giao dịch của quý khách như: nhận tiền, chuyển tiền, ... Việc thay đổi số tài khoản này cũng không làm thay đổi các thông tin khác như: số thẻ ATM hay các tài khoản đăng nhập hệ thống giao dịch qua Internet Banking và Mobile Banking.

Để thuận tiện trong khi thực hiện các giao dịch, trong vòng 06 tháng từ ngày 20/02/2017, đề nghị Quý khách vui lòng cập nhật số tài khoản ngân hàng mới các các điểm giao dịch P gần nhất, hoặc liên hệ 1900 5555 92 để được hướng dẫn chi tiết”.

Theo Văn bản số 503/TB-PVB.BRVT ngày 01/3/2017 của P – Chi nhánh V, số tài khoản của P2 tại Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh V cũng thay đổi từ 0000.6868.6666 thành 6610.6868.6666.

Trường hợp P đã giải tỏa khoản tiền mà P2 thanh toán vào tài khoản của Công ty CP C tại P - Chi nhánh H do P chỉ định là lỗi của P, do sự tắc trách, thiếu trách nhiệm và/hoặc có sự cấu kết giữa cá nhân, tổ chức gây thiệt hại cho P.

Nhận thấy: **Về hiệu lực Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hình thành trong tương lai số 438/2017/HĐBĐ-PVB.HAN ngày 04/01/2017 ký kết giữa Bên thế chấp: H với Bên nhận thế chấp: P - Chi nhánh H(i) Theo Hợp đồng, hai Bên thỏa thuận như sau:**

“Điều 1. Tài sản thế chấp

1. Bên thế chấp đồng ý thế chấp cho Ngân hàng và Ngân hàng đồng ý nhận thế chấp các quyền đòi nợ sau đây để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm nêu tại Điều 2 của Hợp đồng này đã hình thành tại thời điểm ký Hợp đồng này hoặc sẽ

hình thành trong tương lai và thuộc sở hữu của Bên thế chấp sau thời điểm ký Hợp đồng này: Quyền đòi nợ theo Hợp đồng số PO.0116031-DV030 ngày 22/12/2016 về việc: Cung cấp máy bơm nước ngọt - Công trình P14 thuộc Dự án P11, P12, P13, P14, cụ thể như sau:

- Giá trị Hợp đồng (đã bao gồm thuế V.A.T): 286.747.897 đồng.
- Bên có nghĩa vụ thanh toán: Công ty Cổ phần C.
- Địa chỉ: F đường C, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Sau đây được gọi là “Tài sản thế chấp”).

“Điều 2. Nghĩa vụ được bảo đảm và thời hạn thế chấp

1. Tài sản thế chấp nêu tại Điều 1 Hợp đồng này bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của Bên được bảo đảm đối với Ngân hàng phát sinh từ: Hợp đồng hạn mức tín dụng 305/HĐHMTD/PVB-HAN ngày 16/11/2016 và các Phụ lục sửa đổi, bổ sung Hợp đồng này (Nếu có); ...

3. Việc thế chấp tài sản nêu trên có thời hạn và hiệu lực cho đến khi Bên được bảo đảm và Bên thế chấp thực hiện xong tất cả các nghĩa vụ được bảo đảm đối với Ngân hàng và Ngân hàng đã thực hiện các thủ tục giải chấp. Nếu Bên được bảo đảm còn bất kỳ khoản nợ hoặc nghĩa vụ nào đối với Ngân hàng (bao gồm cả trường hợp khoản nợ của Bên được bảo đảm được cơ cấu lại thời hạn trả nợ hoặc phát sinh nợ quá hạn), Tài sản thế chấp nêu tại Điều 1 Hợp đồng này tiếp tục bảo đảm cho đến khi Bên được bảo đảm thực hiện xong tất cả các nghĩa vụ đối với Ngân hàng...”.

(ii) Hợp đồng thế chấp trên được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại Hà Nội ngày 04/01/2017.

(iii) Theo quy định của pháp luật, quyền đòi nợ, kể cả quyền đòi nợ hình thành trong tương lai, được coi là tài sản và có thể dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự. Cụ thể, Điều 115 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định quyền tài sản là một loại tài sản; Điều 295 quy định tài sản bảo đảm có thể là tài sản hiện có hoặc tài sản hình thành trong tương lai; Điều 317 và Điều 318 quy định về thế chấp tài sản, trong đó bao gồm cả tài sản hình thành trong tương lai. Việc đăng ký giao dịch bảo đảm là bắt buộc đối với một số loại tài sản hoặc theo thỏa thuận của các bên để bảo đảm hiệu lực đối kháng với người thứ ba (Điều 298 Bộ luật Dân sự năm 2015).

Như vậy, bị đơn đã ký Hợp đồng thế chấp Quyền đòi nợ hình thành trong tương lai cho Bên nhận thế chấp là P - Chi nhánh H để bảo đảm cho khoản vay của bị đơn tại P, được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại Hà Nội, là Cơ quan nhà Nước có thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ vào Điều 292, 298 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 10, 11 của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP, thì việc thế chấp Q1 đòi nợ hình thành trong tương lai của bị đơn cho Bên nhận thế chấp là P - Chi nhánh H có hiệu lực kể ngày đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại Hà Nội, chúng nhận đăng ký thế chấp là ngày 04/01/2017 đối với Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hình thành trong tương lai số 438/2017/HĐBĐ-PVB.HAN ngày 04/01/2017.

Căn cứ Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hình thành trong tương lai nêu trên của bị đơn cho Bên nhận thế chấp là P - Chi nhánh H, thì tài sản mà bị đơn thế chấp để bảo đảm cho khoản vay của bị đơn tại P - Chi nhánh H gồm: *Quyền đòi nợ theo Hợp đồng số PO.0116031-DV030 ngày 22/12/2016 về việc: Cung cấp máy bơm nước ngọt - Công trình P14 thuộc Dự án P11, P12, P13, P14, ký giữa: Bên mua: Công ty Cổ phần C với Bên bán: Công ty Cổ phần C.* Đối chiếu với các quy định của pháp luật thì Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hình thành trong tương lai ký giữa Bên thế chấp: H với Bên nhận thế chấp: P chi nhánh H có nội dung, hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, nên có hiệu lực thi hành.

Quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho P, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thỏa thuận tại Điều 6 Hợp đồng tín dụng, không trả nợ gốc, nợ lãi đúng hạn cho P, P có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho P là phù hợp với sự thỏa thuận giữa: P - Chi nhánh H với bị đơn tại Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hình thành trong tương lai nêu trên.

2) Về yêu cầu kháng cáo của Công ty CP C (tên viết tắt: P2):

Xét thấy, sau khi hai bên ký Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hình thành trong tương lai, nguyên đơn đã gửi Công văn số 07/TB-PVB.HAN ngày 04/01/2017 cho Công ty Cổ phần C, về việc: Thông báo nghĩa vụ thanh toán. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty Cổ phần C đã nhận được Văn bản này của P.

Công văn số 07/TB-PVB.HAN ngày 04/01/2017 của P có nội dung:

Khách hàng (bị đơn) đã thế chấp quyền đòi nợ phát sinh từ Hợp đồng số PO.0116031-DV030 ngày 22/12/2016 nói trên cho P - Chi nhánh H. Với việc thế chấp quyền đòi nợ này của khách hàng tại P, toàn bộ các khoản thanh toán của Q Công ty đối với nghĩa vụ nợ giữa Q Công ty và khách hàng phát sinh từ Hợp đồng số PO.016031-DV030 ngày 22/12/2016 nêu trên sẽ thuộc quyền thụ hưởng của P.

Vì vậy, sau khi Khách hàng hoàn thành thủ tục giao hàng đối với Hợp đồng số PO.016031-DV030 ngày 22/12/2016 đã ký giữa hai bên, đề nghị Q Công ty thực hiện chuyển toàn bộ số tiền thanh toán này vào tài khoản thụ hưởng do P chỉ định, cụ thể:

Số tài khoản: 0000.6856.7979

Tên tài khoản: Công ty CP C.

Mở tại: Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh H.

Nội dung: Thanh toán Hợp đồng số PO.016031-DV030 ngày 22/12/2016 giữa Công ty CP C với Công ty CP C khoan

Tuy nhiên, tại Ủy nhiệm chi số: BNMB-1808-068, ngày lập: 30/8/2018 (BL 465) có nội dung:

Đơn vị chuyển: Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí

Số TK: 5511101385003

Tại: M1

Đơn vị hưởng: Công ty CP C.

Số tài khoản: 107.068.567.979

Tại: P.

Nội dung: Thanh toán 100% PO.0116031-DV030.

Số tiền: 286.747.897 VND.

Người kháng cáo cho rằng, số tài khoản **107.068.567.979** và số tài khoản **0000.6856.7979** là một vì lý do nâng cấp hệ thống, là không có căn cứ. Đáng lẽ, Công ty Cổ phần C phải ủy nhiệm chi đến tài khoản **0000.6856.7979** theo như Công văn số 07/TB-PVB.HAN ngày 04/01/2017 của P gửi đến Công ty Cổ phần C. Việc Công ty Cổ phần C thanh toán không đúng chỉ định, không thể coi là đã giải phóng nghĩa vụ. Ý kiến của Công ty Cổ phần C về việc hiệu lực của Hợp đồng số: PO.0116031-DV030 ngày 22/12/2016 đã được thanh lý, là chưa đủ căn cứ. Vì vậy, nội dung kháng cáo của Công ty Cổ phần C không được chấp nhận.

Nếu có tranh chấp số tiền này giữa Công ty Cổ phần C và Công ty CP C thì dành quyền khởi kiện cho Công ty CP C bằng một vụ án khác.

Từ những phân tích đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử phúc thẩm: Không chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần C (*Tên viết tắt là: P2*).

Các yêu cầu khác của đương sự không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Công ty cổ phần C (*Tên viết tắt là: P2*) phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Từ những nhận định trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 30; Điều 148; Điều 296; Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều: 293, 295, 296, 317, 319 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 90, 91, 95 Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 2010 (Nay là Điều 100, 103 của Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 2024);

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Thông tư số 06/2023/TT – NHNN ngày 28/6/2023 của Ngân hàng N1 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 39/2016/TT – N2 ngày 30/12/2016 quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Nghị định 163/2006/NĐ – CP ngày 29/12/2006; Nghị định số 83/2010/NĐ – CP ngày 23/7/2010; Nghị định số 11/2012/ NĐ – CP ngày 22/02/2012 quy định của Chính Phủ về giao dịch bảo đảm.

Điều Khoản 2 Điều 26, 27, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty cổ phần C (*Tên viết tắt là: P2*). Giữ nguyên Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 60/2024/KDTM-ST ngày 07/8/2024 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội (Nay là: Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Hà Nội).

2. Về án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty cổ phần C (*Tên viết tắt là: P2*) phải chịu: **2.000.000 đồng** (Hai triệu đồng) án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Công ty cổ phần C GiànDầu khí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0027556 ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội (Nay là: Phòng THA.DS Khu vực 4 - Hà Nội). Xác nhận Công ty cổ phần C đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhân:

- VKSND TP. Hà Nội;
- TAND quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội
(Nay là Tòa án khu vực 4 – Hà Nội);
- Phòng THA.DS Khu vực 4 - Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bích Hạnh